| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2020/DS-PT
Ngày 20-02-2020
*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Chiến;
*Các Thẩm phán*: Ông Đỗ Đồng Chung và bà Phạm Thị Thông;

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Ngọc Thanh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;

***- D diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 20-02-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLPT-DS ngày 23-12-2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2020/QĐ-PT, ngày 03-02-2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Quảng T, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Vi Văn D – Có mặt;

Bà Đỗ Thị M - Có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Quảng T, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Ông Nguyễn Văn Th – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Quảng T, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

- *Do có kháng cáo của:* Bị đơn ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 10-3-2019 nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:*** Ngày 10-01-2017, tôi có cho vợ chồng ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M vay số tiền 48.000.000 đồng, lãi suất 2%/ tháng; thời hạn thanh toán vào ngày 10-01-2018. Hai bên có làm giấy mượn tiền viết tay, do tôi viết và giấy này chỉ làm thành một bản do tôi giữ. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán vợ chồng ông D, bà M không thanh toán mặc dù tôi đã hối thúc nhiều lần để yêu cầu ông bà M, D trả gốc và lãi

cho tôi. Đến tháng 2-2018, bà M có sang ứng tiền làm công của tôi 6.700.000 đồng, nhưng không làm giấy tờ gì mà tôi chỉ ghi vào sổ của tôi để ghi nhớ nên tôi chỉ yêu cầu ông bà M, D trả số tiền là 6.000.000 đồng. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu ông bà D, M phải trả số tiền 54.000.000 đồng, còn đối với tiền lãi đề nghị ông bà phải trả lãi cho tôi trong số tiền 48.000.000 đồng lãi suất trong hạn và quá hạn đến thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 6.000.000 đồng, với lý do không làm giấy tờ gì; chỉ yêu cầu vợ chồng ông D và bà M trả số tiền 48.000.0000 đồng và tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn.

***- Bị đơn ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M trình bày*:** Ngày 10-01-2017, vợ chồng tôi có ký chốt nợ số nợ trong sổ của bà L với số tiền 48.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 10-01-2018. Khoảng tháng 5-2018, chúng tôi đã trả được cho bà L 40.000.000 đồng, do thân quen, tin tưởng nên giữa hai bên không làm giấy tờ gì. Số tiền còn nợ lại 8.000.000 đồng, vì điều kiện gia đình khó khăn nên hẹn bà L đến vụ mùa cà phê năm 2019 sẽ thanh toán đầy đủ. Do đó, vợ chồng chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi suất của bà L.

Còn đối với số tiền là 6.000.000 đồng vay bằng cách vợ chồng tôi hứa làm công thì vợ chồng tôi đã thống nhất chốt vào ngày 10-01-2017 với tổng số tiền là 48.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền 6.000.000 đồng này chúng tôi cũng không đồng ý.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th trình bày:*** Việc bà L vợ tôi có cho vợ chồng ông bà D, M vay là số tiền 48.000.000 đồng là tiền chung của vợ chồng; mọi giao dịch cho vay mượn giữa bà L với ông bà D, M tôi không trực tiếp giao dịch nhưng có được bà L nói lại cho tôi biết, tôi đồng ý với lời trình bày của bà L và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã Quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M.

**1.** Buộc ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M phải trả cho bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn Th số tiền 83.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 48.0000.000 đồng, tiền lãi suất tính đến thời điểm xét xử 35.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án.

**2.** Đối với số tiền là 6.000.000 đồng, đình chỉ xét xử do nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31-10-2019 bị đơn ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tuy thừa nhận có nợ bà L và ký vào giấy mượn tiền ngày 10-01-2017 với số tiền là 48.000.000 đồng nhưng cho rằng đã trả cho nguyên đơn được 40.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 8.000.000 đồng; đồng thời trước đây vợ chồng nguyên đơn đã đồng ý bằng miệng không tính lãi suất nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Nguyên đơn, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng lời trình bày của bị đơn là hoàn toàn không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

D diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Vi Văn Dvà bà Đỗ Thị M; căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét đơn kháng cáo của ông Vi Văn D, bà Đỗ Thị M: theo đơn khởi kiện ngày 10-3-2019 của bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà M phải trả số tiền 54.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16-10-2019, bà L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông D, bà M thừa nhận ngày 10-01-2017 hai bên có ký giấy mượn tiền còn nợ bà L 48.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả ngày 10-01-2018. Tuy nhiên, ông D và bà M cho rằng khoảng tháng 5-2018 đã trả được cho bà L 40.000.000 đồng; khi trả tiền chỉ có bà L và bà M, không có ai chứng kiến, cũng không làm giấy tờ gì. Sau khi trả tiền, cả ông Th và bà L thống nhất bằng miệng

không tính lãi suất nên chỉ còn nợ 8.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo, lời khai của ông D, bà M tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ bởi lẽ: phía bà L không thừa nhận; phía ông D và bà M không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông D, bà M phải trả cho bà L 48.0000.000 đồng tiền gốc và 35.000.000 đồng tiền lãi suất là có căn cứ, đúng quy định.

Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

*"4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".*

[3]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4]. Về áp dụng pháp luật, cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật chưa đúng về trách nhiệm chịu lãi suất có lợi cho phía bị đơn nhưng do phía nguyên đơn không kháng cáo nên chỉ nêu ra để rút kinh nghiệm, cụ thể: theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định như sau:

**Điều 13. Quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án**

*1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định (Phần quyết định) như sau:*

*a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.* Như vậy, trong bản án sơ thẩm chỉ quyết định áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án là chưa phù hợp.

[5]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà M đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, M phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Buộc ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M phải trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền 83.000.000 đồng, trong đó 48.0000.000 đồng tiền gốc và 35.000.000 đồng tiền lãi suất.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự trong giai đoạn thi hành án.

**2.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.000.000 đồng.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M phải nộp 4.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền 1.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000699 ngày 13-03-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vi Văn D và bà Đỗ Thị M phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên số 0002646 ngày 14-11-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(đã ký và đóng dấu)***

**Nguyễn Xuân Chiến**